TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Phạm Văn Nhơn**.

2/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: thôn L, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn L** – Công ty Luật K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Hồng P**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng P thành hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 11/6/2020. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng càng về sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể tự hàn gắn được. Hiện tại chị và anh P không còn sống chung với nhau. Chị xét thấy hiện nay giữa chị và anh P có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục chung sống với nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Hồng P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Uy V, sinh ngày 07/8/2020 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 22/3/2023, người làm chứng bà Trương Thị P trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Lê Hồng P, giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh P thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn chị T và anh P sống bên gia đình bà được khoảng nửa tháng, sau đó chị T trở về quê chị T sinh sống. Sau khi chị T sinh con thì chị T sống tại quê chị T và không có trở lại nhà bà sinh sống, mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng chị T và anh P như thế nào thì bà không biết rõ. Về con chung của chị T và anh P có 01 con chung tên Lê Nguyễn Uy V, sinh ngày 07/8/2020 hiện đang sống chung với chị T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Luận cứ bảo vệ ngày 07/7/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T, cụ thể:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Lê Hồng P.

Về Con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Uy V, sinh ngày 07/8/2020, giới tính: Nam cho chị Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Lê Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Hoài T.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hoài T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét; nếu sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành 01 vụ kiện khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với anh Lê Hồng P. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Uy V, sinh ngày 07/8/2020 cho chị T nuôi dưỡng, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004005, chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Hồng P cư trú tại ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T có đơn xin vắng mặt ngày 22/3/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 07/7/2023, bị đơn anh Lê Hồng P được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Trương Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà P đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Lê Hồng P thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 vào ngày 11/6/2020 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh P thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng hiện đã ly thân không thể hàn gắn lại được. Theo lời trình bày của bà P là mẹ ruột của anh P xác định sau khi chị T sinh con thì chị T sống ở quê chị T mà không quay về chung sống cùng gia đình bà. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh P vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét con chung tên Lê Nguyễn Uy V, sinh ngày 07/8/2020 hiện đang sống trực tiếp với chị T, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hoài T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoài T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T. Xử cho chị T ly hôn với anh Lê Hồng P.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Lê Nguyễn Uy V, sinh ngày 07/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Hoài T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004005 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 11/6/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An